

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 403/2026/DS-PT

Ngày: 06 - 5 - 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
tranh chấp hui và yêu cầu thực hiện nghĩa
vụ do người chết để lại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán:

Ông Phan Tô Ngọc

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2026/TLPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hui và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 436/2026/QĐPT-DS ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: tổ B, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: số C L, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Hữu T1 – Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng C, số C L, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- **Bị đơn:** Bà Đồng Thị M, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: số nhà I, tổ D, khu phố E, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Kim S (JUAN, YI-SHAN), sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: số F lộ V, xóm G, thôn B, làng Đ, huyện C, Đài Loan.

2. Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1983 (có mặt);

3. Ông Nguyễn Quang T2, sinh năm 1985 (có mặt);

4. Ông Nguyễn Đồng Quang T3, sinh năm 1989 (có mặt);

Cùng địa chỉ: tổ C, khu phố E, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Bà Lê Thanh N1, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: tổ B, khu phố C, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đồng Thị M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Quang T2, Nguyễn Đồng Quang T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 05/12/2022, ngày 10/02/2023, ngày 10/4/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N và người đại diện trình bày:

Do có quan hệ làm ăn với nhau, bà N có cho vợ chồng bà Đồng Thị M, ông Nguyễn Minh Q (đã chết ngày 08/01/2022) mượn tiền và chơi hụi. Bà M, ông Q còn nợ lại tiền mượn và tiền hụi nên bà yêu cầu trả nợ như sau:

- Đối với tiền hụi: bà N yêu cầu bà M trả nợ tiền hụi 42.000.000 đồng theo giấy tay có nội dung: tiền hụi hốt tháng tháng 06/2022 chưa đưa là 42.000.000 đồng cộng vào số tiền mượn. Nội dung của hàng chữ này là do chồng của bà N là ông Nguyễn Thanh K viết.

- Đối với tiền mượn: bà N yêu cầu bà M và các con của bà M, ông Q gồm: bà S, bà X, ông T3, ông T2 (thực hiện nghĩa vụ do ông Q chết để lại) liên đới trả

nợ cho bà N 960.000.000 đồng theo các giấy mượn tiền:

+ Giấy mượn tiền ngày 17/11/2018, cho ông Q, bà M vay số tiền là 60.000.000 đồng; ông Q, bà M ký tên.

+ Giấy mượn tiền ngày 22/01/2019, cho bà M, ông Q vay 70.000.000 đồng; ông Q, bà M ký tên.

- Giấy mượn tiền ngày 24/9/2019, cho bà M, ông Q vay 50.000.000 đồng; ông Q, bà M ký tên.

- Giấy mượn tiền ngày 22/10/2019, cho bà M, ông Q vay 100.000.000 đồng; ông Q, bà M ký tên..

- Giấy mượn tiền ngày 06/8/2020, cho bà M vay 100.000.000 đồng (giấy này tuy ghi bà M mượn của cháu Lê Thanh N1 là con của bà N nhưng thực tế số tiền bà N1 đưa cho bà M là của bà N).

- Giấy mượn tiền ngày 18/12/2020, bà N cho ông Q, bà M vay 20.000.000 đồng nhưng người ký mượn là bà M.

- Giấy mượn tiền ngày 20/01/2021, cho ông Q, bà M vay 60.000.000 đồng nhưng người ký mượn tiền là bà M.

- Giấy mượn tiền ngày 24/01/2021, bà N cho bà M vay 320.000.000 đồng, bà M có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thanh T4 (bà T4 là cháu của bà M và bà N đã trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà M).

- Giấy mượn tiền ngày 26/3/2021, bà N cho ông Q, bà M vay 50.000.000 đồng nhưng người ký mượn là bà M.

- Giấy mượn tiền ngày 06/5/2021, bà N cho ông Q, bà M vay 20.000.000 đồng nhưng người ký mượn là bà M.

- Giấy mượn tiền ngày 29/5/2021, bà N cho bà M vay 40.000.000 đồng, bà M ký giấy mượn tiền.

- Giấy mượn tiền ngày 21/9/2021, bà N cho bà M vay 30.000.000 đồng, bà M ký giấy mượn tiền.

- Tại giấy tay (khổ giấy nhỏ) do bà M viết có nội dung: tiền lời tháng 8 + 9 tôi thiếu lại Nga 40.000.000 không tính lời. Như vậy, tại giấy tay này, bà M thừa nhận đã còn thiếu tôi 40.000.000 đồng.

Bị đơn bà Đồng Thị M tại bản tự khai ngày 10/02/2023 trình bày:

Bà và ông Q là vợ chồng, ông Q chết năm 2022. Vợ chồng bà có 04 người con: bà S đang ở Đài Loan, bà M không rõ địa chỉ, bà X, ông T2, ông T3. Khi ông Q còn sống, vợ chồng bà có vay tiền của bà N các khoản sau:

- Ngày 17/11/2018 vay 60.000.000 đồng.
- Ngày 22/01/2019 vay 70.000.000 đồng.
- Ngày 24/9/2019 vay 50.000.000 đồng.
- Ngày 22/10/2019 vay 100.000.000 đồng.
- Ngày 06/8/2020 vay 100.000.000 đồng.
- Ngày 18/12/2020 vay 20.000.000 đồng.
- Ngày 20/01/2021 vay 60.000.000 đồng.
- Ngày 24/01/2021 vay 320.000.000 đồng.
- Ngày 26/3/2021 vay 50.000.000 đồng.
- Ngày 06/5/2021 vay 20.000.000 đồng.
- Ngày 29/5/2021 vay 40.000.000 đồng.
- Ngày 21/9/2021 vay 30.000.000 đồng.

Tổng cộng bà M và ông Q vay của bà N là 920.000.000 đồng. Mục đích bà M và ông Q vay tiền trên là để cho bà Nguyễn Thanh T4 vay lại, hiện nay bà T4 đã trốn và chưa thanh toán cho bà M. Ngoài ra vào ngày 05/10/2021 bà M có viết giấy xác nhận cho bà N với nội dung: tiền lãi tháng 8 + 9 thiếu bà N 40.000.000 đồng, đây là tiền lãi, không phải là tiền vay.

Ngoài tiền vay trên thì giữa bà M với bà N có tham gia chơi hụi với nhau, bà M là chủ hụi, bà N là hụi viên, việc tham gia chơi hụi cụ thể về thời gian, số tiền, thành viên... bà M không nhớ, nhưng giữa bà M với bà N có chốt lại số tiền nợ hụi và bà M còn thiếu lại bà N là 42.000.000 đồng. Khoản tiền hụi này xác nhận lúc ông Q đang bệnh, ông Q không biết gì. Số tiền hụi mỗi kỳ bà N đóng cho bà M là bà N lấy tiền lãi của các khoản vay để đóng cho bà M (bà M không có giấy tờ chứng minh). Đối với giấy hụi bà N cung cấp không phải chữ viết của bà M.

Nay bà M có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N như sau: bà M xác định có nợ tiền vay của bà N là 920.000.000 đồng và tiền hụi là 42.000.000 đồng. Bà M đồng ý trả cho bà N tiền vay 920.000.000 đồng; tuy nhiên, hiện nay bà M đang khởi kiện bà T4 tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, khi nào bà T4 trả tiền cho bà M thì bà M sẽ thanh toán lại cho bà N. Riêng khoản tiền 40.000.000 đồng lập ngày 05/10/2021, là tiền lãi, không phải tiền vay nên bà M không đồng ý trả. Còn khoản tiền hụi 42.000.000 đồng là bà N lấy tiền lãi của các khoản vay (tiền bà N cho bà M vay) để đóng hụi, hoàn toàn không đưa tiền mặt cho bà M, nên đề nghị Tòa án xem xét quyết định theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 05/5/2023, bà M thay đổi lời khai: bà xác định các

giấy mượn tiền có chữ ký của ông Q là do bà ký thay, ông Q không biết việc bà vay tiền của bà N. Bà là người mượn tiền của nguyên đơn và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vay 920.000.000 đồng và 42.000.000 đồng tiền hụi. Riêng khoản tiền 40.000.000 đồng theo giấy tay ngày 05/10/2021 là nợ tiền lãi, bà không đồng ý trả. Về tài sản chung là quyền sử dụng đất của vợ chồng, sau khi ông Q chết, ông T3 dùng tiền cá nhân để trả nợ thay cho vợ chồng bà. Bà và các con đã làm thủ tục thừa kế phần di sản của ông Q để lại tặng cho ông T2 (ông T2 chuyển nhượng lại cho bà T5); phần của bà M ủy quyền cho bà S (bà S chuyển nhượng lại cho bà X); phần của ông T3 (ông T3 thế chấp cho Ngân hàng); phần của bà X. Hiện tại vợ chồng bà M không còn tài sản. Tất cả các khoản nợ là do bà M chịu, không liên quan đến ông Q nên các con không có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Lê Thanh N1 trình bày: bà là con đẻ của nguyên đơn. Theo giấy mượn tiền ngày 06/8/2020 có nội dung: bà M mượn của bà 100.000.000 đồng nhưng số tiền này là của bà N cho bà M mượn tiền. Bà đề nghị bà M trả nợ cho bà N 100.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Kim X, ông Nguyễn Đông Quang T3 tại bản tự khai ngày 05/5/2023 trình bày: cha là ông Q bị bệnh già không ký tên vào các giấy mượn tiền, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh N đối với bà Đồng Thị M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hụi và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

- Buộc bà Đồng Thị M, bà Nguyễn Thị Kim X, ông Nguyễn Đông Quang T3, ông Nguyễn Quang T2 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh N 960.000.000 đồng.

- Buộc bà Đồng Thị M có nghĩa vụ trả nợ tiền hụi cho bà Nguyễn Thị Thanh N 42.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/4/2025 và 09/4/2025 bị đơn bà Đồng Thị M; người có quyền lợi, nghĩa vụ gồm các ông, bà Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Quang T2, Nguyễn Đông Quang T3 kháng cáo của Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là bà Đồng Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ gồm các ông, bà Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Quang T2, Nguyễn Đồng Quang T3 thống nhất vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, không buộc bà X, ông T2 và ông T3 liên đới với bà M trả cho bà N 960.000.000 đồng vì việc mượn tiền là giao dịch riêng của bà M, các con bà M không biết, chồng của bà M là ông Q khi còn sống cũng không ký vào giấy mượn nợ. Ngoài ra, bà M không sử dụng tiền này vào kinh doanh hay sinh hoạt gia đình; bà M không đồng ý trả 40.000.000 đồng tiền lãi.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N (có ông Trần Minh T đại diện theo ủy quyền) không đồng ý kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo vì ông Q cùng bà M mượn tiền của bà N, các giấy mượn tiền đều có ông Q ký tên và tại bản tự khai ngày 10/02/2023 tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, bà M cũng xác định khoản vay được sử dụng vào mục đích kinh doanh chung của vợ chồng bà. Ngoài ra, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn không yêu cầu bà M trả lãi 40.000.000 đồng nữa, chỉ yêu cầu buộc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà X, ông T2 và ông T3 liên đới trả 920.000.000 đồng tiền nợ gốc và 42.000.000 đồng tiền hụi, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Hữu T1 có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi 40.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà M cùng bà X, ông T2 và ông T3 liên đới trả cho bà N số tiền 920.000.000 đồng tiền nợ gốc và 42.000.000 đồng tiền hụi. Các phần khác của bản án sơ thẩm đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 10/02/2023 (BL 42) bà M trình bày như sau: Bà M và ông Q có vay bà N số tiền 920.000.000 đồng; số tiền 40.000.000 đồng là tiền lãi; số tiền 42.000.000 đồng là bà N lấy tiền lãi của các khoản vay để đóng hụi, không có đưa tiền mặt cho bà M. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 05/5/2023, bà M thay đổi lời khai xác định bà là người mượn tiền nguyên đơn, đồng ý trả cho bà N số tiền 920.000.000 đồng và 42.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 40.000.000 đồng do là tiền lãi; ông Q không biết việc bà M vay tiền, các chữ ký ông Q trong giấy mượn tiền do bà M ký thay.

[3] Tại Công văn số 312/PC09 ngày 05/9/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định: chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Minh Q trên các giấy mượn tiền có những điểm chung và riêng giống, khác nhau chưa giải thích được, vượt quá khả năng giám định của địa phương. Tại Công văn số 1497/C09B, ngày 22/10/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định: chữ ký, chữ viết mẫu so sánh quá ít, ghi thời gian cách xa so với các chữ ký, chữ viết cần giám định nên không đủ điều kiện cần thiết để thực hiện giám định. Vậy, việc thực hiện thủ tục quyết định trưng cầu giám định không đủ điều kiện để giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Minh Q trên các giấy mượn tiền do bà N cung cấp theo yêu cầu của bà N.

[4] Xét thấy, mặc dù kết quả không đủ cơ sở để thực hiện giám định chữ ký, chữ viết của ông Q trên các giấy mượn tiền nhưng căn cứ nội dung trình bày của bà M nêu tại mục [2] đã có đủ cơ sở xác định bà M và ông Q đã mượn tiền của bà N theo các giấy mượn tiền, giấy tay và bà M còn nợ bà N số tiền hụi. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M thay đổi nội dung trình bày về việc cho rằng ông Q không biết việc mượn tiền và cho rằng số tiền 40.000.000 đồng là tiền lãi, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà M trả số tiền gốc cho mượn là 920.000.000 đồng và tiền nợ hụi 42.000.000 đồng, nên sửa một phần bản án sơ thẩm về nội dung này.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ cho bà N:

- Đối với khoản tiền nợ hụi, bà M thừa nhận có quan hệ chơi hụi với bà N và còn nợ lại bà N 42.000.000 đồng. Bà N yêu cầu bà M trả nợ 42.000.000 đồng tiền hụi là có căn cứ. Phù hợp các Điều: 274, 280, 466, 471 Bộ luật Dân sự.

- Đối với khoản tiền 920.000.000 đồng: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ đòi 920.000.000 đồng tiền nợ gốc. Theo hồ sơ quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi ông Q chết, các thừa kế của ông Q: bà M, bà X, ông T2, ông T3 đã thực hiện thủ tục văn bản thỏa thuận phân chia di sản và thụ hưởng thừa kế quyền sử dụng đất của ông Q để lại. Bà Nguyễn Thị Kim S (J) đã có văn bản cam kết và văn bản từ chối nhận di sản ngày 01/6/2022 đã được công chứng, có nội dung: bà đang định cư tại Đài Loan (Trung Quốc) đã thôi Quốc tịch Việt Nam, nhập Quốc tịch Đài Loan (Trung Quốc), bà từ chối nhận di sản là quyền sử dụng đất của ông Q để lại, bà để lại phần quyền sử dụng đất của bà cho các thành viên trong hộ gia đình được hưởng thừa kế và cam kết không tranh chấp khiếu nại. Do bà S đã từ chối nhận di sản của ông Q và nhường phần di sản của mình lại cho các thành viên hộ gia đình, nên Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà M và các con: ông T3, ông T2, bà X hưởng thừa kế di sản của ông Q để lại nên phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ 920.000.000 đồng cho bà N là phù hợp quy định tại các Điều 274, 280, 288, 357, 463, 466, 468, 620, 658, 660 Bộ luật Dân sự.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ gồm các ông, bà Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Quang T2, Nguyễn Đồng Quang T3, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Các ông, bà Đồng Thị M, Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Quang T2, Nguyễn Đồng Quang T3, phải chịu.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm người có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đồng Thị M; người có quyền lợi, nghĩa vụ gồm các ông, bà Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Quang T2, Nguyễn Đồng Quang T3.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 21/3/2025

của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh).

Áp dụng Điều: 274, 280, 288, 357, 463, 466, 468, 620, 658, 660 Bộ luật Dân sự; các Điều: 92, 147, 161, 266, 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh N đối với bà Đồng Thị M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hụi và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

- Buộc bà Đồng Thị M, bà Nguyễn Thị Kim X, ông Nguyễn Đồng Quang T3, ông Nguyễn Quang T2 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh N 920.000.000 đồng.

- Buộc bà Đồng Thị M có nghĩa vụ trả nợ tiền hụi cho bà Nguyễn Thị Thanh N 42.000.000 đồng.

2. Các quyết định khác của Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đồng Thị M, bà Nguyễn Thị Kim X, ông Nguyễn Đồng Quang T3 và ông Nguyễn Quang T2 có nghĩa vụ liên đới nộp: 39.600.000 đồng. Bà Đồng Thị M nộp: 2.100.000 đồng (án phí phần nợ tiền hụi).

Bà Nguyễn Thị Thanh N không phải chịu. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền 24.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001480 ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh)

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

- Các ông, bà Đồng Thị M, Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Quang T2, Nguyễn Đồng Quang T3 không phải chịu. Hoàn trả cho các ông, bà Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Quang T2, Nguyễn Đồng Quang T3 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 003655 ngày 10/4/2025 của

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu VP (5), HS (2).19b.PPC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nhật Bình